

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 24

0101  
C  
TRÁCH  
KIỂM  
TƯ VẤN  
QI  
ÁNG

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trương Khắc Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Khắc Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

177123.  
CÔNG TY  
NHIỆM HỮU  
KẾ TOÁN  
TÀI CHÍNH  
HỢC TẾ  
MAI-TP



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>nd</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2978/2012/BCSX-IFC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Phạm Tiên Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV  
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Lương Xuân Trường**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1741/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>277.051.507.717</b>	<b>172.798.592.074</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.1</b>	<b>54.870.091.029</b>	<b>35.575.294.011</b>
1. Tiền	111		54.870.091.029	5.575.294.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>IV.2</b>	<b>101.535.431.302</b>	<b>41.920.749.083</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		111.987.380.973	52.468.835.786
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.451.949.671)	(10.548.086.703)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.055.974.370</b>	<b>77.614.171.052</b>
1. Phải thu khách hàng	131		8.565.014.728	8.506.363.548
2. Trả trước cho người bán	132		15.135.655.502	13.153.444.174
5. Các khoản phải thu khác	135	IV.3	56.394.613.375	55.993.672.565
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(39.309.235)	(39.309.235)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV.4</b>	<b>34.598.353.860</b>	<b>13.999.688.099</b>
1. Hàng tồn kho	141		34.598.353.860	13.999.688.099
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.991.657.156</b>	<b>3.688.689.829</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.324.580.566	164.876.408
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.055.261.513	95.497.002
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.611.815.077	3.428.316.419
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>712.177.135.718</b>	<b>663.627.802.495</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>552.867.858</b>	<b>552.867.858</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	IV.5	552.867.858	552.867.858
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.554.397.402</b>	<b>1.768.587.072</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	1.529.912.672	1.736.370.322
- Nguyên giá	222		2.776.564.638	2.750.564.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.246.651.966)	(1.014.194.316)
3. Tài sản cố định vô hình	227		24.484.730	32.216.750
- Nguyên giá	228		46.392.120	46.392.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.907.390)	(14.175.370)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>IV.7</b>	<b>691.214.050.925</b>	<b>652.924.614.811</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		106.997.278.067	49.499.951.477
3. Đầu tư dài hạn khác	258		584.216.772.858	603.424.663.334
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.855.819.533</b>	<b>8.381.732.754</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8	18.855.819.533	8.381.732.754
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>989.228.643.435</b>	<b>836.426.394.569</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>521.395.230.597</b>	<b>425.501.472.534</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>461.025.973.765</b>	<b>365.080.461.758</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.9	40.193.870.898	28.773.262.277
2. Phải trả người bán	312	IV.10	249.990.918.328	247.756.698.398
3. Người mua trả tiền trước	313		14.637.779.107	13.589.269.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.11	382.283.044	1.406.884.664
5. Phải trả người lao động	315		166.320.000	43.859.857
6. Chi phí phải trả	316		811.580.001	940.266.667
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.12	154.811.504.827	72.523.502.725
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		31.717.560	46.717.560
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>60.369.256.832</b>	<b>60.421.010.776</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.13	60.369.256.832	60.421.010.776
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>467.833.412.838</b>	<b>410.726.080.756</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.14</b>	<b>467.833.412.838</b>	<b>410.726.080.756</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		169.526.496	169.526.496
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		84.763.248	84.763.248
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		84.763.248	84.763.248
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		67.494.359.846	10.387.027.764
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>198.841.279</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>989.228.643.435</b>	<b>836.426.394.569</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
Ngoại tệ các loại				
+ USD			204,95	204,63
+ EUR			100,06	100,00



**Trương Khắc Hoàng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

  
**Bùi Quốc Dũng**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>V.1</b>	<b>1.969.393.978</b>	<b>313.636.364</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.969.393.978</b>	<b>313.636.364</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	1.303.445.093	254.763.618
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>665.948.885</b>	<b>58.872.746</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	24.751.089.832	22.781.615.886
7. Chi phí tài chính	22	V.4	20.598.873.284	14.035.475.720
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.862.678.411</i>	<i>9.153.441.548</i>
8. Chi phí bán hàng	24		882.339.634	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.833.211.586	1.060.565.595
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(897.385.787)</b>	<b>7.744.447.317</b>
11. Thu nhập khác	31		308.550.000	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		308.550.000	-
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		57.497.326.590	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>56.908.490.803</b>	<b>7.744.447.317</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.5	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>56.908.490.803</b>	<b>7.744.447.317</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(509.832.881)	-
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>57.418.323.684</b>	<b>7.744.447.317</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.6	1.435	194



**Trương Khắc Hoàn**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Bùi Quốc Dũng**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.206.191.693	214.924.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(46.554.348.658)	(22.800.505.066)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.303.232.402)	(466.065.417)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.195.085.436)	(11.887.787.035)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(620.558.508)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	104.680.639.782	59.620.028.156
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(16.789.241.222)	(1.932.542.462)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.044.923.757</b>	<b>22.127.493.668</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.130.420.602)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	41.699.131.865	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.567.580.259	959.914.112
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.863.708.478)</b>	<b>959.914.112</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.230.000.000	23.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.051.753.944)	(18.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(27.005.037.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11.178.246.056</b>	<b>(22.505.037.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>19.359.461.335</b>	<b>582.370.280</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>35.575.294.011</b>	<b>10.910.019.123</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(64.664.317)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>54.870.091.029</b>	<b>11.492.389.403</b>

23-C  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
 BẤT ĐỘNG SẢN  
 SÀI GÒN  
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH



**Trương Khắc Hoàn**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

**Bùi Quốc Dũng**  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 7 (năm 2011 là 7).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty có 1 Công ty con. Tên Công ty con và ngành nghề kinh doanh, hoạt động chính cụ thể như dưới đây:

**Công ty con:**

**Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro:**

- Hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005144 ngày 14/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4, cấp ngày 21/02/2011.
- Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; mua bán, lắp đặt thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường.
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng. Vốn thực tế đến ngày 30/06/2012: 3.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 85%. Công ty mẹ nắm giữ 85% quyền biểu quyết trực tiếp ở Công ty con.
- Địa chỉ: 429 Đất Mới, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở);
- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải;
- Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải. Bán buôn vật tư-thiết bị-phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

## **III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính của Công ty và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn bao gồm cổ phiếu đã được niêm yết và chưa niêm yết.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác (ngoại trừ khoản phải trả về cổ tức) và các khoản chi phí phải trả.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	48,19%	48,19%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	26,00%	26,00%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc FIFO, đích danh). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

1771  
CÔNG  
NHIỆM  
M T O  
N TÀI  
JỐC  
MAI-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16-“Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí tài chính theo thời gian hoạt động của dự án khi các dự án này có doanh thu.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Được ghi nhận khi các khoản chi phí thực tế chưa phải trả nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Số dư chi phí phải trả tại ngày 30/06/2012 là các khoản trích trước chi phí lãi vay cho các dự án mà Công ty góp vốn.

23-C  
TY  
HỮU HẠ  
N VÀ  
CHÍNH  
TẾ  
TP. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu:* được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:* là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	600.275.832	416.641.668
Tiền gửi ngân hàng	9.324.106.197	5.158.652.343
Tiền đang chuyển	44.945.709.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.870.091.029</b>	<b>35.575.294.011</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>111.987.380.973</b>		<b>52.343.408.703</b>
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Năm Bẩy Bẩy	318.710	22.052.993.671	214.100	18.654.724.026
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	3.469.000	89.934.387.302	1.450.270	33.688.684.677
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(10.451.949.671)</b>		<b>(10.548.086.703)</b>
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Năm Bẩy Bẩy		(10.451.949.671)		(10.548.086.703)
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		-		125.427.083
<b>Cộng</b>		<b>101.535.431.302</b>		<b>41.920.749.083</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	55.992.387.217	55.482.451.217
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia: Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia</i>	12.882.216.017	12.882.216.017
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu</i>	6.747.000.000	6.747.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>	36.363.171.200	35.853.235.200
<b>Phải thu khác</b>	402.226.158	511.221.348
<b>Cộng</b>	<b>56.394.613.375</b>	<b>55.993.672.565</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	242.566.156	226.440.865
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.727.355.508	13.773.247.234
Hàng hoá	1.628.432.196	-
<b>Cộng</b>	<b>34.598.353.860</b>	<b>13.999.688.099</b>

**5. Phải thu dài hạn khác**

Đây là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	10.795.455	2.364.061.258	375.707.925	2.750.564.638
Mua trong kỳ	26.000.000	-	-	26.000.000
Tăng khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>36.795.455</b>	<b>2.364.061.258</b>	<b>375.707.925</b>	<b>2.776.564.638</b>
<b>KHẤU HAO</b>				
Tại ngày 01/01/2012	6.297.354	743.439.616	264.457.346	1.014.194.316
Trích khấu hao trong kỳ	4.603.868	197.005.104	30.848.678	232.457.650
Tăng khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>10.901.222</b>	<b>940.444.720</b>	<b>295.306.024</b>	<b>1.246.651.966</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2012	4.498.101	1.620.621.642	111.250.579	1.736.370.322
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>25.894.233</b>	<b>1.423.616.538</b>	<b>80.401.901</b>	<b>1.529.912.672</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 là 191.414.477 đồng.

IN:017  
 TRẮC  
 KIẾ  
 TỬ V  
 Q  
 ĐANG



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>a - Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>106.997.278.067</b>		<b>49.499.951.477</b>
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu	3.373.500	58.335.773.785	3.373.500	4.566.791.943
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	48.661.504.282	-	44.933.159.534
<b>b - Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>584.216.772.858</b>		<b>603.424.663.334</b>
<b>- Đầu tư cổ phiếu:</b>		<b>32.120.000.000</b>		<b>32.120.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	1.442.000	32.120.000.000	1.442.000	32.120.000.000
<b>- Đầu tư dài hạn khác:</b>		<b>552.096.772.858</b>		<b>571.304.663.334</b>
Dự án Xây dựng khu căn hộ cao tầng Diamond Reverside		398.369.280.000		398.369.280.000
Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia		39.000.000.000		39.000.000.000
Dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trạm Kinh Dương Vương và trạm Xa lộ Hà Nội		114.727.492.858		133.935.383.334
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>691.214.050.925</b>		<b>652.924.614.811</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	60.638.583	89.231.807
Chi phí lãi vay đầu tư vào các dự án chờ phân bổ	18.709.063.460	8.165.142.358
Chi phí chờ phân bổ khác	86.117.490	127.358.589
<b>Cộng</b>	<b>18.855.819.533</b>	<b>8.381.732.754</b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>25.972.860.121</b>	<b>14.552.251.500</b>
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) (*)	10.190.608.621	
+ Ông Lê An Bình	15.082.251.500	13.852.251.500
+ Ông Trương Khắc Hoàn	700.000.000	700.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.13)</b>	<b>14.221.010.777</b>	<b>14.221.010.777</b>
<b>Cộng</b>	<b>40.193.870.898</b>	<b>28.773.262.277</b>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán Số 0605560/1/12/HĐ GDKQ/HSC/IS HCM ngày 26/03/2012. Mục đích vay là để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán tại HSC, thời gian tối đa là 03 tháng cho từng lần vay (nếu HSC không có thông báo yêu cầu thanh lý hợp đồng thì thời gian tự động gia hạn thêm 03 tháng nữa). Lãi suất thay đổi theo quyết định đơn phương của HSC phù hợp mức lãi suất vay của pháp luật và tính trên số gốc dư nợ hiện tại (kể cả dư nợ phát sinh trước thời điểm thay đổi). Mức lãi suất thay đổi này được công bố tại thời điểm thay đổi, niêm yết trên các sản giao dịch của HSC.

117712  
 CÔNG  
 NHIỆM  
 M TOÁ  
 N TÀI  
 ĐỐC T  
 MAI-7

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)** MẪU SỐ B 09-DN/HN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. Phải trả người bán**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	243.276.388.495	241.801.299.166
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.310.648.226	5.310.648.226
Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	-	12.000.000
Phải trả đối tượng khác	1.403.881.607	632.751.006
<b>Cộng</b>	<b>249.990.918.328</b>	<b>247.756.698.398</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	255.226.158	1.353.170.414
Thuế xuất, nhập khẩu	34.789.429	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	41.392
Thuế thu nhập cá nhân	92.226.065	53.672.858
<b>Cộng</b>	<b>382.283.044</b>	<b>1.406.884.664</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	16.346	2.666.346
Kinh phí công đoàn	8.580.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	138.210.049.113	68.434.162.559
Công ty CP Xây dựng số 5	9.156.385.548	-
Mượn tiền Ông Lê An Bình	6.408.000.000	4.050.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.028.473.820	36.673.820
<b>Cộng</b>	<b>154.811.504.827</b>	<b>72.523.502.725</b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) - Sở Giao Dịch I (*)	60.299.999.999	60.299.999.999
Ngân hàng TNHH MTV ANZ - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (**)	69.256.833	121.010.777
<b>Cộng</b>	<b>60.369.256.832</b>	<b>60.421.010.776</b>

(\*) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201004865 ngày 31/08/2010. Thời hạn vay là 5 năm, không có thời gian ân hạn. Thời hạn vay được tính kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ mỗi năm một lần. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam là theo lãi suất Eximbank công bố tại thời điểm giải ngân. Hạn mức vay là 150.000.000.000 đồng, khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị các hợp đồng của các dự án mà Công ty đang thực hiện với tổng số tiền là: 835.531.900.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 450/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2010 ngày 31/08/2010. Mục đích vay là để đầu tư cho các dự án, bổ sung góp vốn đầu tư và mua cổ phần các dự án mà Công ty đang thực hiện.

3-C...  
TY  
ƯU H  
N VÀ  
CHÍNH  
Ế  
P. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

(\*\*) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số AF0153225 ngày 02/12/2009. Hạn mức vay là 410.000.000 đồng. Khoản vay dùng để mua xe ô tô mới. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất vay tính vào ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	14.221.010.777	14.221.010.777
Trong năm thứ hai	20.169.256.833	20.221.010.777
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	40.199.999.999	40.199.999.999
	<b>74.590.267.609</b>	<b>74.642.021.553</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	14.221.010.777	14.221.010.777
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>60.369.256.832</b>	<b>60.421.010.776</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. Vốn chủ sở hữu**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	400.000.000.000	28.135.717.560	-	-	-	428.135.717.560
Lãi trong năm trước	-	10.419.286.212	-	-	-	10.419.286.212
Tặng khác	-	-	169.526.496	84.763.248	84.763.248	339.052.992
Chia cổ tức năm 2010	-	27.965.000.000	-	-	-	27.965.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	135.717.560	-	-	-	135.717.560
Giảm khác	-	67.258.448	-	-	-	67.258.448
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>10.387.027.764</b>	<b>169.526.496</b>	<b>84.763.248</b>	<b>84.763.248</b>	<b>410.726.080.756</b>
Lãi trong kỳ	-	56.908.490.803	-	-	-	56.908.490.803
Tặng khác	-	198.841.279	-	-	-	198.841.279
<b>Số dư tại ngày 30/06/2012</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>67.494.359.846</b>	<b>169.526.496</b>	<b>84.763.248</b>	<b>84.763.248</b>	<b>467.833.412.838</b>

**Cổ phần**

	30/06/2012	01/01/2012
<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành  
 Số lượng cổ phần bán ra công chúng  
 - Cổ phần phổ thông  
 Số lượng cổ phần đang lưu hành  
 - Cổ phần phổ thông

40.000.000	40.000.000
40.000.000	40.000.000
40.000.000	40.000.000
40.000.000	40.000.000
40.000.000	40.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)** MẪU SỐ B 09-DN/HN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	313.636.364
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	1.969.393.978	-
<b>Cộng</b>	<b>1.969.393.978</b>	<b>313.636.364</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn của hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	254.763.618
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	1.303.445.093	-
<b>Cộng</b>	<b>1.303.445.093</b>	<b>254.763.618</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	296.589.727	30.059.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.033.922.970	22.751.556.440
Lãi từ đầu tư chứng khoán	3.420.577.135	-
<b>Cộng</b>	<b>24.751.089.832</b>	<b>22.781.615.886</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	19.862.678.411	9.153.441.548
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(96.137.032)	4.882.034.172
Khác	832.331.905	-
<b>Cộng</b>	<b>20.598.873.284</b>	<b>14.035.475.720</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	56.908.490.803	7.744.447.317
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	21.033.922.970	10.869.340.423
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế (*)	-	(3.124.893.106)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
<b>Thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Thu nhập chịu thuế trong kỳ được tính cộng gộp từ thu nhập chịu thuế của riêng Công ty và Công ty con.

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	57.418.323.684	7.744.447.317
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.435</b>	<b>194</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Phải thu các Công ty Liên kết**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu: Cổ tức được chia	6.747.000.000	6.747.000.000

**1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan (tiếp theo)**

**Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lương	483.666.669	353.666.669
Tiền thưởng	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>488.666.669</b>	<b>358.666.669</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	54.870.091.029	35.575.294.011	54.870.091.029	35.575.294.011
Đầu tư ngắn hạn	111.987.380.973	52.468.835.786	101.535.431.302	41.920.749.083
Phải thu khách hàng	8.565.014.728	8.506.363.548	8.565.014.728	8.506.363.548
Phải thu khác	56.394.613.375	55.993.672.565	56.394.613.375	55.993.672.565
Đầu tư dài hạn	691.214.050.925	652.924.614.811	691.214.050.925	652.924.614.811
<b>Tổng cộng</b>	<b>923.031.151.030</b>	<b>805.468.780.721</b>	<b>912.579.201.359</b>	<b>794.920.694.018</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ	100.563.127.730	89.194.273.053	100.563.127.730	89.194.273.053
Phải trả người bán	249.990.918.328	247.756.698.398	249.990.918.328	247.756.698.398
Phải trả khác	154.811.504.827	72.523.502.725	154.811.504.827	72.523.502.725
Chi phí phải trả	811.580.001	940.266.667	811.580.001	940.266.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>506.177.130.886</b>	<b>410.414.740.843</b>	<b>506.177.130.886</b>	<b>410.414.740.843</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 ngoại trừ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy như thuyết minh số IV.2 do Thông tư 210/2009 TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đánh giá, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trong yếu tố so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

117712  
 CÔNG T  
 NHÌEM H  
 M TOÁN  
 AN TÀI C  
 HỨC TI  
 MAL-T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban giám đốc thiết lập các nguyên tắc và thực hiện giám sát, quản lý rủi ro tài chính nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng các hạn mức rủi ro thích hợp.

Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro tiền tệ do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty). Tuy nhiên rủi ro tiền tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do các giao dịch của Công ty chủ yếu được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết do đó chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư. Hội Đồng Quản Trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>				
Vay và nợ	40.193.870.898	20.169.256.833	40.199.999.999	100.563.127.730
Phải trả người bán	249.990.918.328	-	-	249.990.918.328
Phải trả khác	154.811.504.827	-	-	154.811.504.827
Chi phí phải trả	811.580.001	-	-	811.580.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>445.807.874.054</b>	<b>20.169.256.833</b>	<b>40.199.999.999</b>	<b>506.177.130.886</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	28.773.262.277	20.221.010.777	40.199.999.999	89.194.273.053
Phải trả người bán	247.756.698.398	-	-	247.756.698.398
Phải trả khác	72.523.502.725	-	-	72.523.502.725
Chi phí phải trả	940.266.667	-	-	940.266.667
	<b>349.993.730.067</b>	<b>20.221.010.777</b>	<b>40.199.999.999</b>	<b>410.414.740.843</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 19/2012/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 8 năm 2012 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận và đã được thông báo đến Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để niêm yết 40.000.000 cổ phiếu của Công ty.



**Trương Khắc Hoàn**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Bùi Quốc Dũng**  
Kế toán trưởng